

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DSPT

Ngày: 05/5/2022

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLPT-DS ngày 10/11/2021 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2021/DS-ST ngày 13/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2021/QĐ-PT ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh BN, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn C, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 478, đường TĐ, khu YM, phường KB, thành phố BN, tỉnh BN (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức N - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH N và P, Đoàn Luật sư thành phố HN (có mặt).

- *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân phường VA, thành phố BN, tỉnh BN; địa chỉ: Khu Dương Xá, phường VA, thành phố BN, tỉnh BN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tống Quang T - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (có mặt).

- *Người có quyền lợi N3 vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị K, sinh năm 1954 (có mặt).

2. Ông Ngô Văn L, sinh năm 1957 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu YM, phường KB, thành phố BN, tỉnh BN.

3. Ông Ngô Văn C1, sinh năm 1959; địa chỉ: Phường TNH, thành phố BG, tỉnh BG (có mặt).

4. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu 3, phường ĐC, thành phố BN, tỉnh BN (vắng mặt).

5. Ông Ngô Mạnh H, sinh năm 1964 (vắng mặt).

6. Bà Ngô Thị H1, sinh năm 1967 (vắng mặt).

7. Ông Ngô Văn K1, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu YM, phường KB, thành phố BN, tỉnh BN.

8. Ủy ban nhân dân thành phố BN, tỉnh BN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Song H2 - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H3 - Chức vụ: Phó chủ tịch.

Cùng tham gia theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành H4; chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố BN và ông Nguyễn Vũ K2; chức vụ: Giám đốc chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố BN (đều vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Ngô Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Ngô Văn C trình bày: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là Ủy ban nhân dân (UBND) phường VA, thành phố BN, tỉnh BN trả lại cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngô Văn T (chết ngày 23/12/2011) và cụ Nguyễn Thị N2 (tên gọi khác Nguyễn Thị H4, chết ngày 26/6/2015), gồm 08 người con là: Ông C, bà K, ông L, ông C1, bà Đ, ông H, bà Hà và ông K1, diện tích 744m² đất ruộng canh tác thuộc các thửa ở các xứ đồng: Ruộng rau 01 sào 03 thước (432m²), Thê Đình 06 thước (144m²) và Thê Đình 07 thước (168m²) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất số 3, tờ thứ nhất, địa bạ số 4 do Ủy ban hành chính tỉnh BN cấp ngày 08/10/1955 chứng nhận cho cụ Ngô Văn T, hiện được xác định là một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 432m² (nằm trong diện tích 4345m²) và một phần thửa đất số 123, tờ bản đồ số 21, diện tích 144m² và diện tích 168m² (nằm trong diện tích 6826m²) do UBND phường VA quản lý, sử dụng làm công trình phúc lợi công cộng, bởi căn cứ như sau:

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Nguồn gốc đất là đất tư điền của cụ T và cụ N2 được Ủy ban hành chính tỉnh BN cấp giấy chứng nhận ngày 08/10/1955. Từ năm 1955 đến 1985 thì gia đình vẫn là người trực tiếp sử dụng

đất nông nghiệp để canh tác trồng lúa và trồng rau. Đến năm 1985 thì do Trạm bơm đặt ở đó bơm nước nên khu vực bị ngập úng không canh tác được nhưng gia đình vẫn là người quản lý.

- Căn cứ giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất số 03, tờ thứ nhất, địa bạ số 4 do Ủy ban hành C1 tỉnh BN cấp ngày 08/10/1955 mang tên cụ Nguyễn Văn T. Theo quy định tại điều 15 Điều lệ số 599-TTg của Thủ tướng C1 phủ ngày 09/10/1955 thì đất của cụ T là đất tư điền (hay gọi là đất riêng của gia đình) không phải đất của hợp tác xã giao cho để sản xuất sau cải cách. Do đó nhà nước mới cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất và đảm bảo quyền sở hữu ruộng đất ấy. Nay cụ T và cụ N2 mất đi, các đồng thừa kế của hai cụ có quyền kế thừa các quyền hợp pháp đối với các thửa đất trên.

- Từ năm 1955 cho đến năm 1996, cụ T cũng như các con của cụ hàng năm đều đóng thuế đất nông nghiệp cho Nhà nước tại 3 thửa ruộng trên nên việc UBND phường VA cho rằng đã giao thầu cho các cá nhân khác để sử dụng từ năm 1985 là không phù hợp.

- Ủy ban phường VA cho rằng từ năm 2002 thửa đất trên là đất công ích của Ủy ban phường và do gia đình không sử dụng đất liên tục nên theo quy định Nhà nước đã thu hồi để chuyển sang đất công nhưng gia đình không nhận được các Quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với 03 thửa đất này.

Đến năm 2019, khi gia đình nguyên đơn trồng sả và chuối trên đất nhưng các cơ quan chức năng của UBND phường VA ngăn cản không cho làm thì gia đình cụ T mới được biết là 03 thửa đất trên đã chuyển sang đất công ích và được giao cho ông Nguyễn Văn N3 và Hợp tác xã TN sử dụng mà không được sự đồng ý của gia đình. Đến tháng 6/2020, nguyên đơn đã đề nghị UBND phường VA giải quyết. Sau đó, UBND phường VA đã tiến hành giải quyết, nhưng không thành. Nay nguyên đơn thực hiện việc khởi kiện yêu cầu UBND phường VA trả lại quyền sử dụng 03 thửa đất nông nghiệp đó cho gia đình nguyên đơn.

Nguyên đơn thừa nhận, từ năm 1985 đến 2019 thì gia đình hoàn toàn không trực tiếp sử dụng 03 thửa đất nông nghiệp trên để canh tác trồng lúa, trồng rau hay sử dụng vào mục đích nông nghiệp nào khác cũng như biết theo quy định của pháp luật nếu không sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục là vi phạm sẽ bị Nhà nước thu hồi, nhưng cho rằng vì 03 thửa đất nông nghiệp này bị ngập úng nên không canh tác được và gia đình vẫn là người quản lý.

Ngoài ra, nguyên đơn xác định bản thân nguyên đơn cũng như hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ N2 không thực hiện quy trình khiếu nại hay khởi kiện hành C1 về việc cho rằng UBND phường VA hay cơ quan có thẩm quyền

nào khác tự ý chuyển đổi sang đất công ích nêu trên, cũng như không yêu cầu UBND phường VA bồi thường thiệt hại do không cho gia đình sử dụng (khi trồng sả và chuối) trên đất.

Bị đơn, UBND phường VA do ông Tổng Quang Thanh đại diện trình bày: Các thửa đất ông Ngô Văn C khởi kiện đòi lại trên được xác định là một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 432m² (nằm trong diện tích 4345m²) và một phần thửa đất số 123, tờ bản đồ số 21, diện tích 144m² và diện tích 168m² (nằm trong diện tích 6826m²) theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2002 do UBND phường VA quản lý, sử dụng làm công trình phúc lợi công cộng. Hiện nay là đất nuôi trồng thủy sản do UBND xã VA (nay là UBND phường VA, thành phố BN) quản lý, sử dụng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận. Ngoài ra, không có bất kỳ tài liệu, hồ sơ nào có liên quan được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận, mô tả việc hình thành, hiện hữu các diện tích đất nông nghiệp như ông Ngô Văn C trình bày. Vì vậy, khi xác định các diện tích đất trên là đất nuôi trồng thủy sản mang tên ông Nguyễn Văn N3, nguyên Trưởng thôn TN và HTX thôn TN (đất công ích do Nhà nước quản lý là UBND xã VA) đã không thực hiện việc thu hồi đất của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào (trong đó cũng không có hộ ông Ngô Văn T).

Khu phố TN đã cung cấp hợp đồng giao thầu ao từ ngày 01/9/2002 đến hết ngày 01/9/2013 và được gia hạn hợp đồng đến hết ngày 01/9/2015 cho ông Nguyễn Văn H4 và bà Nguyễn Thị Đ1. Từ 01/9/2015 đến nay, khu TN và UBND phường không giao thầu cho bất kỳ cho cá nhân, tổ chức nào. Trong thời gian từ ngày 01/9/2002 đến ngày 25/9/2019 khu TN và phường VA không nhận được ý kiến phản ánh nào của hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến nguồn gốc đất và việc sử dụng đất đối với hai thửa đất trên.

Căn cứ khoản 1 Điều 53 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ N3 Việt Nam; căn cứ Điều 4 Luật Đất đai năm 2013 quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của luật này. Khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 quy định: Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ N3 Việt Nam. Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 quy định các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai trong đó có: Đất trồng cây hằng năm, bao gồm: Đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng lúa nước còn lại và đất trồng lúa nương và đất trồng cây hằng năm khác, không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục.

Bị đơn cho rằng ông Ngô Văn C và những người có liên quan đang vi phạm Luật Đất đai do bỏ không canh tác ruộng đất từ năm 1985; mặt khác, ông Ngô Văn C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan đến 02 thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 4345m² là đất có mặt nước chưa sử dụng và thửa đất số 123, tờ bản đồ số 21, diện tích 6826m² là đất nuôi trồng thủy sản do UBND phường VA đang quản lý, sử dụng. Do đó, UBND phường VA đang thực hiện việc quản lý và sử dụng đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích theo quy định của pháp luật. Chưa có lý do để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét việc thực hiện các trình tự thủ tục liên quan đến kiến nghị thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp hoặc giao lại đất như ông Ngô Văn C khởi kiện đòi lại đất.

Do các thửa đất tranh chấp trên là đất công ích (đất mặt nước nuôi trồng thủy sản) do UBND phường VA đang thực hiện việc quản lý và sử dụng đất (không giao cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào sử dụng) nên UBND phường không thực hiện việc lập hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai thửa đất nêu trên. Hiện nay các diện tích đất tranh chấp trên là mặt nước, xung quanh có lan can bờ kè ao (là công trình phúc lợi công cộng) do UBND phường VA đang quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, N3 vụ liên quan là bà K, ông L, ông C1, bà Đ, ông H, bà H1 và ông K1 trình bày: Nhất trí với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, N3 vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố BN, tỉnh BN trình bày: Nhất trí với lời trình bày và quan điểm của bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn N3, nguyên Trưởng thôn TN (nay là Khu TN) và ông Nguyễn Văn T5 là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã thôn TN (nay Tổ hợp tác Khu TN), phường VA trình bày: Năm 2002, được sự chỉ đạo của UBND huyện YP về việc thành lập bản đồ địa chính dạng số trên địa bàn, thôn TN đã phối hợp cùng UBND xã VA tiến hành đo đạc địa chính và thành lập bản đồ địa chính xã VA. Việc đo đạc địa chính và xác định nguồn gốc sử dụng đất được thực hiện trên địa bàn toàn xã. Căn cứ vào đó xác định mục đích sử dụng đất để đánh dấu ký hiệu mã đất cho tất cả các thửa đất. Được sự chỉ đạo của UBND xã VA, ông đã cùng Hợp tác xã thôn TN, ban, ngành, đoàn thể của thôn xác định: 02 thửa đất ao Chùa của thôn TN tại thời điểm chia ruộng năm 1992 đã được xác định là đất công ích 5% do địa phương quản lý, không có trong sổ sách, tờ khai quản lý ruộng đất của địa phương. Từ thời điểm các ông làm Trưởng thôn TN cũng như Hợp tác xã thôn TN đến thời điểm thành lập bản đồ địa chính các ông hoàn toàn không nhận được ý kiến kiến nghị của bất kỳ hộ gia đình, cá nhân, tổ chức nào liên quan đến nguồn gốc

đất và việc sử dụng đất đối với hai thửa trên. Theo bản đồ địa chính được đo vẽ năm 2002, được xác định là một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 4345m² và một phần thửa đất số 123, tờ bản đồ số 21, diện tích 6826m² là các diện tích đất nuôi trồng thủy sản do Nhà nước quản lý, giao cho thôn TN sử dụng để thả cá. Trên thửa đất không có bất kỳ diện tích đất nông nghiệp (đất trồng lúa nào). Thời điểm thành lập bản đồ địa chính thôn TN và xã VA không thực hiện việc thu hồi đất của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào tại 02 thửa đất nêu trên.

Các ông xác định, tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất có ghi chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn N3 và Hợp tác xã thôn TN (nay Tổ hợp tác khu TN), tuy nhiên thời điểm đó ghi tên ông N3 là Trưởng thôn TN và Hợp tác xã thôn TN là đại diện cho thôn TN chứ thực chất ông N3 và Hợp tác xã thôn TN không phải chủ sử dụng của hai thửa đất nêu trên, mà thực chất người quản lý và sử dụng là UBND phường VA, nên ông N3 và Hợp tác xã thôn TN không có quyền lợi và N3 vụ gì liên quan.

Ông Lương Văn P, nguyên Chủ tịch UBND xã VA, huyện YP, tỉnh BN (nay là Phường VA, thành phố BN) từ thời điểm năm 1994 đến năm 2004 trình bày: Năm 2002, được sự chỉ đạo của UBND huyện YP về việc thành lập bản đồ địa chính dạng số trên địa bàn, UBND xã VA đã tiến hành đo đạc địa chính và thành lập bản đồ địa chính xã VA. Việc đo đạc địa chính và xác định nguồn gốc sử dụng đất được thực hiện trên địa bàn toàn xã. Căn cứ vào đó xác định mục đích sử dụng đất để đánh dấu ký hiệu mã đất cho tất cả các thửa đất. Tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 4345m² và thửa đất số 123, tờ bản đồ số 21, diện tích 6826m² được xác định: Căn cứ bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã VA, huyện YP, tỉnh HB (nay là phường VA, thành phố BN) được UBND xã VA duyệt ngày 29/9/1995; được Phòng Địa chính và UBND huyện YP duyệt ngày 29/12/1995, được xác định là đất ao, hồ, sông ngòi, nương do Nhà nước quản lý. Trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất hoàn toàn không thể hiện bất kỳ diện tích đất nông nghiệp (đất trồng lúa) tại 02 thửa đất nêu trên.

Trên hồ sơ (biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất) ghi tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn N3 vì ông N3 là Trưởng thôn nên khi đó ghi tên Trưởng thôn để đại diện quản lý, do đó ông N3 không phải chủ sử dụng của hai thửa đất ao trên. Mặt khác, thôn và HTX thôn TN thực hiện quản lý diện tích ao trên tại địa phương vào mục đích nuôi trồng thủy sản. Từ thời điểm ông làm Chủ tịch UBND xã VA đến thời điểm thực hiện thành lập bản đồ địa chính ông hoàn toàn không nhận được ý kiến kiến nghị của bất kỳ hộ gia đình, cá nhân, tổ chức nào liên quan đến nguồn gốc đất và việc sử dụng đất đối với hai thửa (thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 4345m² và thửa đất số 123, tờ bản đồ số 21, diện tích 6826m²). Vì các lý do nêu trên, UBND xã VA, huyện YP đã xác

định thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 4345m² là đất có mặt nước chưa sử dụng và thửa đất số 123, tờ bản đồ số 21, diện tích 6826m² là đất nuôi trồng thủy sản do UBND xã VA đang quản lý và sử dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành. Hoàn toàn không thực hiện việc thu hồi đất của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào tại hai thửa đất nêu trên.

Tại Công văn số 288/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 22/3/2021 về việc cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BN cung cấp cho Tòa án thông tin, tài liệu, chứng cứ như sau:

Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố BN không có hồ sơ, tài liệu liên quan đến các thửa đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất số 3, tờ thứ nhất, địa bạ số 4 do Ủy ban hành chính tỉnh BN cấp ngày 08/10/1955 chứng nhận cho cụ Ngô Văn T.

Không có thông tin và hồ sơ liên quan đến thủ tục và quy trình đăng ký kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất (trong đó, có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, Trích lục sơ đồ kỹ thuật thửa đất,...) của các thửa thuộc 01 phần thửa đất số 125 và 01 phần thửa đất số 123, tờ bản đồ số 21 phường VA.

Theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2002 được lưu giữ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố BN 01 phần thửa đất số 125 và 01 phần thửa đất số 123 là đất mặt nước, ao hồ do địa phương quản lý. Ngoài ra, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố BN cũng không có hồ sơ, tài liệu nào khác liên quan đến nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của một phần đất nằm trong 02 thửa đất trên.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/3/2021, xác định: Diện tích 744m² đất ruộng canh tác thuộc các thửa ở các xứ đồng: Ruộng rau là 01 sào 03 thước (432m²), Thê Đình là 06 thước (144m²) và Thê Đình là 07 thước (168m²) đang tranh chấp ông Ngô Văn C yêu cầu giải quyết được xác định là một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 4345m² và một phần thửa đất số 123, tờ bản đồ số 21, diện tích 6826m², cụ thể như sau:

- Một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 432m² (nằm trong diện tích 4345m²), có tứ cận: Phía Bắc giáp đường TN dài 22,23m; phía Tây Bắc giáp thửa 125 dài 12,61m; phía Nam giáp thửa 125 dài 26,03m và phía Tây giáp thửa 125 gồm các đoạn: 0,88m; 16,75m; 9,10m và 5m.

- Thửa đất số 123 (A), tờ bản đồ số 21, diện tích 144 m² (nằm trong diện tích 6826 m²), có tứ cận: Phía Đông giáp đường dài 11,33m; phía Nam giáp thửa 123 (B) dài 11,32m; phía Tây giáp thửa 123 dài 11,93m và phía Bắc giáp đường gồm các đoạn: 10,87m và 1,95m.

- Thửa đất số 123 (B), tờ bản đồ số 21, diện tích 168 m² (nằm trong diện tích 6826 m²), có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 123 (A) dài 11,32m; phía Đông giáp đường nhựa dài 11,85m; phía Tây giáp thửa 123 dài 17,63m và phía Nam giáp đường nhựa gồm các đoạn: 8,97m và 3,74m.

- Trên các diện tích đất tranh chấp trên là mặt nước, xung quanh có lan can bờ kè ao (là công trình phúc lợi công cộng) do UBND phường VA đang quản lý, sử dụng.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 1 của Luật Đất đai năm 1987; khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 10 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Công văn số 169/2002/KHXX ngày 15/12/2002 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Văn C về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường VA, thành phố BN, tỉnh BN trả lại cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngô Văn T (chết ngày 23/12/2011) và cụ Nguyễn thị H4 (tên gọi khác Nguyễn thị N2, chết ngày 26/6/2015), gồm 08 người con là ông Ngô Văn C, bà Ngô Thị K, ông Ngô Văn L, ông Ngô Văn C1, bà Ngô Thị Đ, ông Ngô Mạnh H, bà Ngô Thị H3 và ông Ngô Văn K1, diện tích 744m² đất ruộng canh tác thuộc các thửa ở các xứ đồng: Ruộng rau là 01 sào 03 thước (432m²), Thê Đình là 06 thước (144m²) và Thê Đình là 07 thước (168m²) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất số 3, tờ thứ nhất, địa bạ số 4 do Ủy ban hành C1 tỉnh BN cấp ngày 08/10/1955 chứng nhận cho cụ Ngô Văn T [nay được xác định là một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 4345m² và một phần thửa đất số 123, tờ bản đồ số 21, diện tích 6826m², cụ thể như sau: Một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 432m² (nằm trong diện tích 4345m²), có tứ cận: Phía Bắc giáp đường TN dài 22,23m; phía Tây Bắc giáp thửa 125 dài 12,61m; phía Nam giáp thửa 125 dài 26,03m và phía Tây giáp thửa 125 gồm các đoạn: 0,88m; 16,75m; 9,10m và 5m; Thửa đất số 123 (A), tờ bản đồ số 21, diện tích 144m² (nằm trong diện tích 6826m²), có tứ cận: Phía Đông giáp đường dài 11,33m; phía Nam giáp thửa 123 (B) dài 11,32m; phía Tây giáp thửa 123 dài 11,93m và phía Bắc giáp đường gồm các đoạn: 10,87m và 1,95m; và Thửa đất số 123 (B), tờ bản đồ số 21, diện tích 168m² (nằm trong diện tích 6826m²), có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 123 (A) dài 11,32m; phía Đông giáp đường nhựa dài 11,85m; phía Tây giáp thửa 123 dài 17,63m và phía Nam giáp đường nhựa gồm các đoạn: 8,97m và 3,74m. Trên các diện tích đất tranh chấp trên là mặt nước, xung quanh có lan can bờ kè ao (là công trình phúc lợi công cộng) do UBND phường VA đang quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên dương sự phải chịu chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/9/2021, ông Ngô Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nguồn gốc thửa đất là của cụ T; về quyền sử dụng đất 03 thửa đất là của cụ T được Ủy ban hành C1 tỉnh BN cấp cho cụ T là đất riêng, đất tư điền được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu; đến năm 1996 gia đình ông C vẫn là người sử dụng đất và là người nộp thuế của rất nhiều mảnh trong đó có những mảnh nguyên đơn đang khởi kiện; việc Ủy ban chuyển thành đất công ích và giao cho các hộ dân thuê là không có cơ sở vì đất ngập úng; Tòa án cấp sơ thẩm viện dẫn quy định của Luật Đất đai năm 1987, 1993 và 2003 để xác định Nhà nước đã giao đất cho người khác thì không có quyền đòi lại là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn buộc Ủy ban Phường VA phải trả lại cho gia đình ông C 02 thửa đất ruộng rau và khu Thế Đình.

Ông C nhất trí với luận cứ của Luật sư.

Đại diện của UBND phường VA tham gia tranh luận không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì những thửa đất nguyên đơn khởi kiện là đất công ích, hiện nay không hiện hữu, hình thể thửa đất mà là đất mặt nước; hiện nay không có hồ sơ, giấy tờ liên quan đến các thửa đất mà nguyên đơn khởi kiện.

Bà K tham gia tranh luận cho rằng 03 thửa đất của cụ T là đất xen canh, hiện nay chỉ nhìn thấy mặt nước nhưng có giấy tờ xác định cụ thể, gia đình bà đã nộp thuế với Nhà nước, gia đình cụ T không có quyết định thu hồi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Những người liên quan không tham gia tranh luận.

Luật sư bảo vệ cho bị đơn cho rằng Ủy ban Phường và Ủy ban thành phố không có giấy tờ lưu trữ là thuộc trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, không thể đổ lỗi cho gia đình cụ T. Đất đang là đất tư điền lại giao cho người khác là trái pháp luật.

Đại diện UBND phường VA đối đáp: Việc thu hồi là của Nhà nước, tuy nhiên đến nay phần diện tích ruộng do nguyên đơn khởi kiện không có ai thu

hồi; việc gia đình cụ T bỏ canh tác từ năm 1985, địa phương đã giao cho người khác nhưng gia đình cụ T không có ý kiến gì.

Các bên không ai tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Ông Ngô Văn C là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Ngô Văn C nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Ngô Văn C, Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất số 3, tờ thứ nhất, địa bạ số 4 do Ủy ban hành chính tỉnh BN cấp ngày 08/10/1955 mang tên cụ Ngô Văn T do ông Ngô Văn C cung cấp thì diện tích 744m² đất ruộng canh tác thuộc các thửa ở các xứ đồng: Ruộng rau 01 sào 03 thước (432m²), Thê Đình 06 thước (144m²) và Thê Đình 07 thước (168m²) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất, nay được xác định là một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 4345m² và một phần thửa đất số 123, tờ bản đồ số 21, diện tích 6826m², cụ thể là: Một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 432m² (nằm trong diện tích 4345m²), có tứ cận: Phía Bắc giáp đường TN dài 22,23m; phía Tây Bắc giáp thửa 125 dài 12,61m; phía Nam giáp thửa 125 dài 26,03m và phía Tây giáp thửa 125 gồm các đoạn: 0,88m; 16,75m; 9,10m và 5m; thửa đất số 123 (A), tờ bản đồ số 21, diện tích 144m² (nằm trong diện tích 6826m²), có tứ cận: Phía Đông giáp đường dài 11,33m; phía Nam giáp thửa 123 (B) dài 11,32m; phía Tây giáp thửa 123 dài 11,93m và phía Bắc giáp đường gồm các đoạn: 10,87m và 1,95m; và thửa đất số 123 (B), tờ bản đồ số 21, diện tích 168m² (nằm trong diện tích 6826m²), có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 123 (A) dài 11,32m; phía Đông giáp đường nhựa dài 11,85m; phía Tây giáp thửa 123 dài 17,63m; phía Nam giáp đường nhựa gồm các đoạn: 8,97m và 3,74m. Theo các

bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã VA (nay là phường VA) do UBND huyện YP duyệt ngày 29/12/1995, ngày 19/5/2000, ngày 15/12/2005 và bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường VA do Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh BN duyệt năm 2010 thì phần diện tích đất tranh chấp này được xác định là ao, hồ, mặt nước nuôi trồng thủy sản, xung quanh có lan can bờ kè ao, là công trình phúc lợi công cộng do UBND phường VA quản lý, sử dụng. Trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất hoàn toàn không thể hiện hay mô tả việc hình thành, hiện hữu các diện tích đất nông nghiệp nào.

Thứ hai, theo bản đồ địa chính quản lý đất đai được đo đạc năm 2002 các diện tích đất trên đã được chuyển hóa thành đất công ích đang được UBND phường VA quản lý. Từ năm 1985, thôn và HTX TN đã giao thầu thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 4345m² và thửa đất số 123, tờ bản đồ số 21, diện tích 6826m² cho anh Nguyễn Văn Hiệp thuê để nuôi trồng thủy sản. Năm 1990, thôn và HTX TN tiếp tục giao thầu cho ông Nguyễn Văn Giót, ông Nguyễn Văn Minh và ông Nguyễn Cảnh Hưng là người trong thôn để thả cá. Đến ngày 01/9/2002, thôn và HTX TN giao thầu cho ông Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Đ2, theo hợp đồng giao thầu ao ngày 19/8/2002 thì thời gian giao thầu là 10 năm, tính từ ngày 01/9/2002 đến hết ngày 01/9/2013; sau đó được gia hạn hợp đồng đến hết ngày 01/9/2015. Từ đó đến nay, khu TN và UBND phường không giao thầu cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào nữa.

Trong quá trình chuyển hóa thành đất công ích không có bất cứ ý kiến phản ánh, khiếu nại hoặc thắc mắc nào của cụ Ngô Văn T và cụ Nguyễn Thị N2 (Nguyễn Thị Hgoãn) cũng như hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ N2 là ông C, bà K, ông L, ông C1, bà Đ, ông H, bà H3 và ông K1 về việc có ruộng đất bị chuyển hóa thành đất công ích đó. Đồng thời cũng không có bất kỳ việc khiếu nại hay khởi kiện hành chính nào về việc UBND phường VA tự ý chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công ích nêu trên.

Thứ ba, phía gia đình nguyên đơn đều thừa nhận rằng từ năm 1985 đến năm 2019, gia đình đã không sử dụng 03 thửa đất nông nghiệp trên để canh tác trồng lúa, trồng rau hay sử dụng vào mục đích nông nghiệp nào khác và có biết quy định nếu không sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục sẽ bị nhà nước thu hồi theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai năm 2013.

Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, ông Ngô Văn C cung cấp cho Tòa án các biên lai thu thuế nông nghiệp các năm 1981, 1988, 1990, 1992 và 1996. Theo ông C, các tài liệu này thể hiện việc cụ T có đóng thuế nông nghiệp đối với diện tích đất gia đình ông đang sử dụng và diện tích đất đang tranh chấp. Tuy nhiên, theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã VA duyệt ngày 29/12/1995 thì diện tích đất tranh chấp này là đất công ích do Nhà nước quản lý, ông C cũng không chỉ

rõ ra được việc đóng thuế đất nông nghiệp có phải là đóng thuế đối với phần diện tích đất đang tranh chấp hay không. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/3/2022, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để xác minh đối với các biên lai thuế do nguyên đơn giao nộp. Tại biên bản xác minh ngày 29/3/2022, đại diện UBND phường KB trả lời về khoản tiền thu nộp thuế theo các biên lai do nguyên đơn nộp cho Tòa án không xác định được nộp cho diện tích đất nông nghiệp thuộc xứ đồng nào, hiện không còn sổ bộ thuế lưu trữ tại Ủy ban phường. Về nội dung này tại phiên tòa phúc thẩm đại diện UBND phường VA cũng xác định không có việc nộp thuế đối với các thửa ruộng nguyên đơn khởi kiện. Do đó, ông C cho rằng gia đình ông vẫn đóng thuế đối với các diện tích đang tranh chấp là không có cơ sở chấp nhận.

Thứ tư, theo khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn C về việc đòi lại diện tích 744 m² đất ruộng canh tác thuộc các thửa ở các xứ đồng: Ruộng rau 01 sào 03 thước (432m²), Thửa Đình 06 thước (144m²) và Thửa Đình 07 thước (168m²) là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Ông Ngô Văn C được miễn án phí do tuổi cao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng Điều 1 của Luật Đất đai năm 1987; khoản 2 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 10 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn C về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường VA, thành phố BN, tỉnh BN trả lại cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngô Văn T (chết ngày 23/12/2011) và cụ Nguyễn thị H4 (tên gọi khác Nguyễn Thị N2, chết ngày 26/6/2015), gồm 08 người con là ông Ngô Văn C, bà

Ngô Thị K, ông Ngô Văn L, ông Ngô Văn C1, bà Ngô Thị Đ, ông Ngô Mạnh H, bà Ngô Thị H3 và ông Ngô Văn K1, diện tích 744m² đất ruộng canh tác thuộc các thửa ở các xứ đồng: Ruộng rau 01 sào 03 thước (432m²), Thê Đình 06 thước (144m²) và Thê Đình 07 thước (168m²) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất số 3, tờ thứ nhất, địa bạ số 4 do Ủy ban hành C1 tỉnh BN cấp ngày 08/10/1955 chứng nhận cho cụ Ngô Văn T, nay được xác định là một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 4345m² và một phần thửa đất số 123, tờ bản đồ số 21, diện tích 6826m², cụ thể như sau: Một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 432m² (nằm trong diện tích 4345m²), có tứ cận: Phía Bắc giáp đường TN dài 22,23m; phía Tây Bắc giáp thửa 125 dài 12,61m; phía Nam giáp thửa 125 dài 26,03m và phía Tây giáp thửa 125 gồm các đoạn: 0,88m; 16,75m; 9,10m và 5m; Thửa đất số 123 (A), tờ bản đồ số 21, diện tích 144 m² (nằm trong diện tích 6826m²), có tứ cận: Phía Đông giáp đường dài 11,33m; phía Nam giáp thửa 123 (B) dài 11,32m; phía Tây giáp thửa 123 dài 11,93m và phía Bắc giáp đường gồm các đoạn: 10,87m và 1,95m; và Thửa đất số 123 (B), tờ bản đồ số 21, diện tích 168m² (nằm trong diện tích 6826m²), có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 123 (A) dài 11,32m; phía Đông giáp đường nhựa dài 11,85m; phía Tây giáp thửa 123 dài 17,63m và phía Nam giáp đường nhựa gồm các đoạn: 8,97m và 3,74m. Trên các diện tích đất tranh chấp trên là mặt nước, xung quanh có lan can bờ kè ao (là công trình phúc lợi công cộng) do UBND phường VA đang quản lý, sử dụng.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Ngô Văn C.

3. Chi phí tố tụng khác: Ông Ngô Văn C phải chịu 15.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (xác nhận ông Ngô Văn C đã nộp đủ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND thành phố BN;
- Chi cục THADS thành phố BN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Bình Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Văn Tính